

Sử dụng đúng theo các chuẩn mực của Tiếng Việt**Về ngữ âm và chữ viết**

Từ lỗi: “giặc” sửa thành “giật”, từ “dáo” sửa thành “ráo”, từ “lẽ” chuyển thành “lẻ”

b,

Người Bắc phát âm theo giọng địa phương nên có nhiều khác biệt với từ ngữ toàn dân:

Dưng mà = nhưng mà

Giời = trời

Bầu = bảo

Về từ ngữ

a, Chữa lỗi:

- Sai từ “chót lọt”: Khi ra pháp trường, anh ấy vẫn hiên ngang tới phút chót.
- Sai từ “truyền tụng”: Những học sinh ở trường hiểu sai các vấn đề mà thầy giáo truyền thụ
- Sai cách kết hợp từ. Sửa thành: “Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt được điều trị tích cực bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt mà khoa Dược pha chế.”

b, Những câu dùng từ đúng

- Anh ấy có một yếu điểm: không quyết đoán trong công việc
- Điểm yếu của họ là thiếu tinh thần đoàn kết
- Bọn giặc đã ngoan cố chống trả quyết liệt
- Bộ đội ta đã ngoan cường chiến đấu suốt một ngày đêm
- Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, cho nên có thể nói đó là thứ tiếng rất linh động, phong phú

- Các câu thứ hai, thứ ba, thứ tư đúng
- Câu thứ nhất sai từ yếu điểm” sửa thành “điểm yếu”

Câu thứ hai sai từ “linh động” sửa thành “sinh động”

Về ngữ pháp:

Chữa lỗi sai:

- Câu (1) người viết không phân định rõ thành phần trạng ngữ, chủ ngữ
 - + Cách thứ nhất: bỏ từ “qua” ở đầu câu
 - + Cách thứ hai: bỏ từ “của” thay vào bằng dấu phẩy.
 - + Cách thứ ba: bỏ từ “đã cho” và thay vào đó bằng dấu phẩy
- Ở câu (2) cả câu chỉ là một cụm danh từ được phát triển dài mà chưa đủ thành phần chính. Sửa:
 - + Thêm chủ ngữ thích hợp “đó là lòng tin tưởng...”
 - + Thêm vị ngữ thích hợp, “lòng tin tưởng... đã được biểu hiện trong tác phẩm”

b, Câu (1) “Có được ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn” sau vì không phân định thành phần phụ đầu câu với chủ ngữ

Các câu sau đều đúng

c, Cả đoạn văn không có câu nào sai nhưng cái sai ở mối liên hệ, liên kết giữa các câu.

Các câu lộn, thiếu logic. Cần sắp xếp lại các câu các vế và thay đổi một số từ ngữ ngữ để ý đoạn mạch lạc, phát triển hợp lí

Thúy Kiều và Thúy Vân là con gái ông bà Vương Viên ngoại. Họ sống êm đềm, hạnh phúc cha mẹ. Họ đều xinh đẹp tuyệt vời. Thúy Kiều là thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, vẻ đẹp của nàng khiến hoa ghen, liễu hờn. Thúy Vân có vẻ đẹp đoan trang, thùy mị. Về tài thì Kiều hơn hẳn Thúy Vân nhưng nàng đâu được hưởng hạnh phúc.

- Từ “hoàng hôn” dùng trong biên bản vụ tai nạn giao thông không phù hợp, từ này thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

- Cụm từ “hết sức là” thường được dùng trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Đây là văn bản nghị luận, dùng cụm từ này không phù hợp phong cách. Cần thay thế bằng từ “rất”, “vô cùng”

b, Trong lời thoại của Chí Phèo có nhiều từ ngữ thuộc ngôn ngữ nói trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Các từ ngữ “bẩm”, “cụ”, “con”

- Các thành ngữ: “trời tru đất diệt”, “thước đất cắm dùi”

- Các từ ngữ mang sắc thái khẩu ngữ: “sinh ra”, “có dám nói gian”, “qua”, về làng về nước”, “chả làm gì nên ăn”

- Những từ ngữ và cách nói trên không thể sử dụng trong lá đơn đề nghị:

+ Đơn từ thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính, câu văn trang trọng

Sử dụng hay, hiệu quả đạt giao tiếp cao

Câu 1:

Từ “đứng” và “quỳ” được sử dụng với nghĩa chuyển. Chúng không dùng để biểu thị các tư thế của con người, mà ẩn dụ cho nhân cách, phẩm giá:

+ “Đứng” hiên ngang, khí phách

+ “Quỳ” hèn nhát, quy lụy

→ Từ được dùng theo nghĩa chuyển đã diễn đạt được những thứ trừu tượng thành những thứ cụ thể

2. Cụm từ “chiếc nôi xanh”, “cái máy điều hòa khí hậu” biểu thị cây cối nhưng mang tính hình tượng và biểu cảm hơn.

Chiếc nôi và máy điều hòa là vật mang lại lợi ích cho con người

+ Dùng chúng biểu thị lợi ích của cây cối vừa tạo được tính cụ thể,thảm mĩ

3. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Hồ Chí Minh sử dụng phép điệp, đối tạo nhịp điệu khỏe khoắn, mạnh mẽ cho lời kêu gọi âm hưởng hùng hồn, vang dội, tác động mạnh mẽ tới người đọc, người nghe.

Luyện tập những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt SGK Văn 10 tập 2 trang 67, 68

Soạn Câu 1 trang 67 SGK Ngữ Văn 10 tập 2

Các từ ngữ viết đúng, sử dụng đúng: chất phác, bàng hoàng, bàng quan, lẳng mạn, hưu trí, uống rượu, trau chuốt, nòng nài, đẹp đẽ, chặt chẽ.

- Từ “lớp” phân biệt người theo tuổi tác, thế hệ, không có nét xấu nên phù hợp với câu văn này

- Từ “hạng” phân biệt người theo phẩm chất xấu, tốt, mang nét nghĩa xấu khi dùng với người không phù hợp

- Từ “ Phải” mang nét nghĩa bắt buộc, cưỡng bức nặng nề không phù hợp với sắc thái nghĩa nhẹ nhàng, vinh hạnh của việc “đi gặp các vị cách mạng đàn anh”, còn từ “sẽ” có nét nghĩa nhẹ nhàng, phù hợp hơn

Soạn Câu 2 trang 68 sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 10 tập 2

Các câu văn, đoạn văn đều nói về tình cảm con người, nhưng vẫn mang lỗi:

- Ý câu đầu và câu sau không thống nhất (câu đầu nói về tình yêu đôi lứa, câu sau nói về những tình cảm khác)

- Quan hệ thay thế đại từ “họ” ở câu 2, 3 không rõ

- Một số từ ngữ diễn đạt không rõ ràng

- Sửa:

Trong ca dao Việt Nam, những bài nói về tình yêu nam nữ nhiều nhất nhưng số bài thể hiện tình cảm khác cũng đa dạng. Những con người trong ca dao yêu gia đình, yêu tổ ấm, cùng nhau sinh sống, yêu nơi chôn rau cắt rốn. Họ yêu làng, yêu nước, yêu từ cảnh đồng ruộng đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đắm thắm, sâu sắc.

Soạn SGK Ngữ Văn lớp 10 tập 2 Câu 3 trang 68

Câu văn được tổ chức mạch lạc, biểu cảm, có tính hình tượng cụ thể:

- Cách dùng quán ngữ tình thái: “biết bao nhiêu”
 - Dùng từ ngữ miêu tả âm thanh, hình ảnh: “oa oa cất tiếng khóc đầu tiên”
 - Dùng hình ảnh ẩn dụ: “quả ngọt trái sai đã thắm hồng da dẻ chị”
- Câu văn được tổ chức một cách mạch lạc, tính chuẩn mực vừa có tính nghệ thuật cao.

Soạn Câu 4 SGK Ngữ Văn 10 tập 2 trang 68

- Tìm, phát hiện lỗi sai trong cách sử dụng từ ở bài viết số 4
- Phân tích nguyên nhân của những lỗi sai, sửa lại cho đúng.
- Viết lại bài văn khi sửa chữa hết lỗi.